

Số: /TB -NTB

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

## THÔNG BÁO

### Về việc lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

*Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;*

*Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư pháp ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;*

*Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-NTB ngày 23/4/2026 của Giám đốc Chi nhánh về việc phê duyệt chủ trương thanh lý, nhượng bán tài sản cố định tại Chi nhánh BHTGVN khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-NTB ngày 14/9/2026 của Giám đốc Chi nhánh về việc phê duyệt giá khởi điểm và phương thức bán thanh lý đối với TSCĐ thanh lý tại Chi nhánh BHTGVN khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.*

Chi nhánh BHTGVN khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản với các nội dung cụ thể như sau:

#### **1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá**

- Chi nhánh BHTGVN khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên;
- Địa chỉ: Số 81 Yersin, phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

#### **2. Thông tin của tài sản đấu giá**

- Tên tài sản đấu giá: Xe ô tô khách đã qua sử dụng, nhãn hiệu Ford Transit, màu bạc, biển kiểm soát 79B-020.57;
- Ngày đưa vào sử dụng: Ngày 11/02/2015;
- Nguyên giá TSCĐ: 773.070.000 đồng.

#### **3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá**

Giá khởi điểm của tài sản đấu giá là: **120.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu đồng). Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và các loại thuế, phí có liên quan (nếu có).

#### **4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (sửa đổi, bổ sung năm 2024) và Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư Pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH16 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15. Nội dung tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- a) Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.
- b) Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.
- c) Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.
- d) Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.
- e) Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

*(Kèm theo Phụ lục I – Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản).*

##### **\* Lưu ý:**

- Hồ sơ tham gia lựa chọn do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục kèm theo.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng đấu giá tài sản quốc gia trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp thông tin này.

- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình.

- Mọi trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản cung cấp thông tin sai lệch, không chính xác, nếu bị phát hiện sẽ bị hủy bỏ kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

**5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:**

- Thời gian nộp hồ sơ: trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo này trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia và Trang thông tin điện tử của BHTGVN (*trong giờ hành chính*).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Chi nhánh BHTGVN khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, địa chỉ: Số 81 Yersin, phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;

- Không hoàn trả hồ sơ, không thông báo kết quả lựa chọn đối với những đơn vị không được lựa chọn.

Chi nhánh BHTGVN Khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản biết để liên hệ nộp hồ sơ. Các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có nhu cầu tìm hiểu thông tin chi tiết vui lòng liên hệ số điện thoại: 0905.884.949 (Bà Lê Thị Thanh Hương – TP.HCNS).

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***

- Cổng Đấu giá tài sản Quốc gia;
- Trang TTĐT của BHTGVN;
- Phòng TTTT (để phối hợp t/h);
- Lưu: VT, HĐTL.

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Thủy Bình**

**PHỤ LỤC I**  
**BẢNG TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**  
*(Kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Thông báo số: /TB-NTB ngày /9/2026 của Chi nhánh BHTGVN Khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên)*

| TT         | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                   | MỨC TỐI ĐA         |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>   | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                  |                    |
| 1.         | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                             | Đủ điều kiện       |
| 2.         | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                       | Không đủ điều kiện |
| <b>II</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                      | <b>19,0</b>        |
| 1.         | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                             | <b>10,0</b>        |
| 1.1        | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc                                                                                | 5,0                |
| 1.2        | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện                                                                                                                       | 5,0                |
| -          | <i>Tổ chức đấu giá tài sản có địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá tại các cơ sở nhà đất thuộc tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương – nơi có tài sản đấu giá</i>                 | 5                  |
| -          | <i>Tổ chức đấu giá tài sản không có địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá tại các cơ sở nhà đất thuộc tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương – nơi có tài sản đấu giá</i>           | 1                  |
| 2.         | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                   | <b>5,0</b>         |
| 2.1        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 2,0                |
| 2.2        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                 | 3,0                |
| 3.         | <b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</b>                                                                 | <b>2,0</b>         |
| 4.         | <b>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</b>                                    | <b>1,0</b>         |
| 5.         | <b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>                                                                                                                                                        | <b>1,0</b>         |
| <b>III</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                               | <b>16,0</b>        |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                        | MỨC TỐI ĐA  |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>                                                                                                                                                                              | <b>4,0</b>  |
| 1.1 | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                                             | 2,0         |
| 1.2 | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                                     | 2,0         |
| 2.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>                                                                                                                                         | <b>4,0</b>  |
| 3.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                                       | <b>4,0</b>  |
| 3.1 | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                      | 2,0         |
| 3.2 | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá                                                                                                                                                                                                       | 2,0         |
| 4.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>                                                                                                                                | <b>4,0</b>  |
| IV  | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                    | <b>57,0</b> |
| 1.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                        | <b>15,0</b> |
| 1.1 | Dưới 20 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                            | 12,0        |
| 1.2 | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                     | 13,0        |
| 1.3 | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                     | 14,0        |
| 1.4 | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                      | 15,0        |
| 2.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                         | <b>7,0</b>  |
| 2.1 | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)                                                                                                                                                                                                              | 4,0         |
| 2.2 | Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                         | 5,0         |
| 2.3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                         | 6,0         |
| 2.4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                | 7,0         |
| 3.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | <b>7,0</b>  |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                        | 4,0         |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5,0         |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6,0         |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | MỨC TỐI ĐA |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 3.4 | <i>Từ 50 cuộc trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7,0        |
| 4.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | 3,0        |
| 4.1 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>                                                                                                                                                                                                                                                            | 3          |
| 4.2 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br/>Số điểm của B = (U x 3)/Y</i>                                                                                                                                                                                                         |            |
| 4.3 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>                                                                                                                                                                                 |            |
| 5.  | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                               | 7,0        |
| 5.1 | <i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4,0        |
| 5.2 | <i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5,0        |
| 5.3 | <i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6,0        |
| 5.4 | <i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7,0        |
| 6.  | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4,0        |
| 6.1 | <i>01 đấu giá viên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2,0        |
| 6.2 | <i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3,0        |
| 6.3 | <i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4,0        |
| 7.  | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về</b>                                                                                                                                        | 4,0        |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | MỨC TỐI ĐA |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     | <b><i>bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</i></b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                 |            |
| 7.1 | <i>Dưới 05 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2,0        |
| 7.2 | <i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3,0        |
| 7.3 | <i>Từ 10 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4,0        |
| 8.  | <b><i>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</i></b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>5,0</b> |
| 8.1 | <i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3,0        |
| 8.2 | <i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4,0        |
| 8.3 | <i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5,0        |
| 9.  | <b><i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i></b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | <b>5,0</b> |
| 9.1 | <i>Dưới 50 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0        |
| 9.2 | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4,0        |
| 9.3 | <i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5,0        |
| V   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>8,0</b> |
| 1.  | Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá<br>- Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản.<br>- Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)                                                                                                                                     | 3,0        |
| 2.  | Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2,0        |
| 3.  | Có ít nhất 04 Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản thanh lý (tài sản tương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0        |

| TT | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                    | MỨC TỐI ĐA |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|    | tự) đã ký kết với các cơ quan, đơn vị Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa từ đầu năm 2026 đến nay ( <i>Kèm theo hợp đồng</i> ) đồng thời tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có 03 đấu giá viên có kinh nghiệm trên 15 năm trong đó có tối thiểu 02 đấu giá viên là Luật sư. |            |
|    | <b>Tổng số điểm</b>                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>100</b> |